TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2025/DS-ST
Ngày: 29-8-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Điển.

Ông Ngô Quốc Tiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Đô – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2025/TLST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty cổ phần S Có Ngay.

Địa chỉ: Số A đường N, phường T, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Kanokwatpaisal N– Chức vụ: Giám đốc Công ty cổ phần S Có Ngay.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Lam T – Nhân viên công ty (vắng mặt).

Địa chỉ: Số D đường L, phường P, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Bé D, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của nguyên đơn Công ty cổ phần S Có Ngay như sau:

Vào ngày 10/12/2024, bà Trần Thị Bé D có đến chi nhánh S1 của Công ty cổ phần S Có Ngay, tại địa chỉ số D đường L, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng nay là phường P, thành phố Cần Thơ để ký hợp đồng cầm cố tài sản. Cụ thể theo hợp đồng số STM241203005NA23X được ký giữa các bên ngày 10/12/2024 thì bà Trần Thị Bé D có ký hợp đồng cầm cố tài sản là 01 xe môtô hai bánh biển kiểm soát 83X1-217.44, loại xe Honda SH Mode màu: Xám, tím, số khung RLHJK0119PZ419251, số máy JK01E0572953; Số Giấy chứng nhận đăng ký xe môtô số 000687 do Công an xã N cấp ngày 18/11/2023 để lấy số tiền là 44.840.426 đồng. Thời hạn cầm cố là 12 tháng (từ 10/12/2024 – 10/12/2025) với mức lãi suất là 1,1%/tháng. Do nhu cầu cần có xe đi lại hàng ngày nên Công ty có ký giấy cho bà Trần Thị Bé D mượn lại xe sử dụng. Trong Giấy mượn xe có quy định rõ thời hạn mượn xe từ ngày 10/12/2024 đến ngày 10/12/2025, địa điểm trả xe là tại chi nhánh S1. Bà Trần Thị Bé D có cam kết rõ ràng trong giấy mượn xe: "Hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận". Quá trình trả nợ, bà D chưa thanh toán đúng nghĩa vụ theo hợp đồng cho Công ty, đến nay đã quá hạn hợp đồng nhưng bà D không trả nợ cho Công ty và cũng không trả lại xe máy cho Công ty.

Nay Công ty cổ phần S Có Ngay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Bé D phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe đã ký với Chi Nhánh S1 1 - Công ty cổ phần S Có Ngay theo Hợp đồng cầm cố số STM241203005NA23X, kèm giấy mượn xe đã ký với Chi Nhánh S1 1 - Công ty cổ phần S Có Ngay ngày 10/12/2024 số tiền 49.082.330 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 44.840.426 đồng, lãi tính đến ngày 29/8/2025 là 4.241.904 đồng (1.1%/ tháng). Ngoài ra bà Trần Thị Bé D còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 30/8/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 27/8/2025, đại diện nguyên đơn yêu cầu như sau: Công ty cổ phần S Có Ngay rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bà D phải trả số tiền phí mượn xe 4.842.766 đồng (5,4%/ tháng), phí quản lý hồ sơ 448.404 đồng (0.5%/ tháng), phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán 121.340 đồng, thanh lý trước hạn 2.656.316 đồng. Công ty chỉ yêu cầu bà D trả số tiền nợ gốc, lãi với tổng số tiền là 49.082.330 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 44.840.426 đồng, lãi tính đến ngày 29/8/2025 là 4.241.904 đồng và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ.

- *Đối với bị đơn bà Trần Thị Bé D:* Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà vắng mặt, không thể hiện ý kiến bằng văn bản cho Toà án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc xét xử vắng mặt đại diện nguyên đơn và bị đơn: Đại diện của nguyên đơn Công ty cổ phần S Có Ngay là ông Nguyễn Lam T và bị đơn bà Trần Thị Bé D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, ông T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bà D vắng mặt, không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của

Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Lam T và bà Trần Thị Bé D.

[2] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Công ty cổ phần S có ký hợp đồng cầm cố tài sản là 01 xe môtô hai bánh biển kiểm soát 83X1-217.44, loại xe Honda SH Mode màu: Xám, tím, số khung RLHJK0119PZ419251, số máy JK01E0572953; Số Giấy chứng nhận đăng ký xe môtô số 000687 do Công an xã N cấp ngày 18/11/2023 cho bà Trần Thị Bé D và công ty có ký giấy cho bà D mượn lại xe sử dụng là để cho bà D vay số tiền 44.840.426 đồng, với mức lãi suất là 1,1%/tháng. Do đó, có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định bà D ký hợp đồng cầm cố xe và ký giấy mượn xe với Công ty cổ phần S Có Ngay là để vay tiền. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, cụ thể là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần S Có Ngay:

[3.1] Công ty cổ phần S Ngay yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà D có trách nhiệm trả cho Công ty cổ phần S Có Ngay tổng số tiền nợ vay tính đến ngày 29/8/2025 là 49.082.330 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 44.840.426 đồng, tiền lãi trong hạn là 4.241.904 đồng.

[3.2] Chứng cứ Công ty cổ phần S đưa ra là Phiếu đăng ký cầm cố xe máy ngày 10/12/2024; Hợp đồng cầm cố STM241203005NA23X ngày 10/12/2024; Giấy ủy quyền ngày 10/12/2024 của bà Trần Thị Bé D cho Công ty cổ phần S Có Ngay. Bà Trần Thị Bé D đã được Toà án cấp tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, hợp lệ theo quy định pháp luật nhưng không có ý kiến phản đối và vắng mặt trong suốt quá trình xét xử vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì lời trình bày của đại diện nguyên đơn và chứng cứ nguyên đơn đưa ra về số nợ gốc, lãi trong hạn là có căn cứ và nguyên đơn không cần phải chứng minh.

[3.3] Bà D vay tiền của Công ty cổ phần S Có Ngay số tiền là 44.840.426 đồng, thời hạn vay là 12 tháng (từ 10/12/2024 – 10/12/2025), thỏa thuận thanh toán định kỳ vào ngày 10 hàng tháng, số tiền trả mỗi tháng là 4.136.621 đồng. Mặc dù tới tháng 12/2025 mới tới hạn thanh toán kỳ cuối cùng nhưng bà D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán hàng tháng, là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S Có Ngay, buộc bà D trả cho Công ty cổ phần S Có Ngay số tiền vay nợ gốc còn nợ là 44.840.426 đồng.

[3.4] Về tiền lãi: Thời điểm vay nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất hai bên có thoả thuận lãi suất trong hạn là 1,1%/ tháng là phù hợp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tiền lãi trong hạn được tính từ ngày 10/12/2024 đến ngày 29/8/2025 là 08 tháng 18 ngày với số tiền lãi là 4.241.904 đồng. Như vậy, tổng tiền gốc và lãi mà bà D phải trả cho Công ty cổ phần S Có Ngay là 49.082.330 đồng.

[4] Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 27/8/2025, nguyên đơn xin rút lại yêu cầu giải quyết đối với số tiền phí mượn xe 4.842.766 đồng (5,4%/ tháng), phí quản lý hồ sơ 448.404 đồng (0.5%/ tháng), phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán 121.340 đồng, phí thanh lý trước hạn 2.656.316 đồng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, Hội đồng xét xử chấp nhận

theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự và đình chỉ giải quyết đối với những yêu cầu đã rút trên của nguyên đơn.

[5] Về án phí: Bị đơn bà D có nghĩa vụ trả tiền nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.454.116 đồng (tương ứng với 5% phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận) theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn Công ty cổ phần S Có Ngay không phải chịu án phí, được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần S Có Ngay đối với bị đơn bà Trần Thị Bé D.

1. Buộc bị đơn bà Trần Thị Bé D có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần S Có Ngay tổng số tiền là 49.082.330 đồng (Bốn mươi chín triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, ba trăm ba mươi đồng), trong đó tiền nợ gốc là 44.840.426 đồng, tiền nợ lãi trong hạn tính đến ngày 29/8/2025 là 4.241.904 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cầm cố STM241203005NA23X ngày 10/12/2024.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Trần Thị Bé D trả số tiền phí mượn xe 4.842.766 đồng, phí quản lý hồ sơ 448.404 đồng, phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán 121.340 đồng, phí thanh lý trước hạn 2.656.316 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Trần Thị Bé D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.454.116 đồng (Hai triệu, bốn trăm năm mươi bốn nghìn, một trăm mười sáu đồng), nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Cần Thơ. Nguyên đơn Công ty cổ phần S Có Ngay không phải chịu án phí, được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.348.000 đồng (Một triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0008423 ngày 01/02/2025 của Chi cục

Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 – Cần Thơ.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5. Về việc thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND thành phố CT;
- VKSND khu vực 8 - CT;
- Phòng T.H.A DS khu vực 8 - CT;
- Các đương sự, đại diện ĐS;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ái Mỹ